

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST
Ngày 23 - 6 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chiêu.

Ông Tạ Văn Nhật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2022/TLST - HS ngày 05 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST - HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1968 tại Thành phố Hà N; ĐKNKTT: 61 B Tập thể M, phường C, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà N; Nơi cư trú: Cụm 2, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị S; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không; theo danh chỉ bản số 077 lập ngày 28/01/2022 của Công an huyện Đan Phượng; tạm giữ ngày 04/01/2022, tạm tha ngày 13/01/2022; có mặt.

2. **Đỗ Văn T**, sinh năm 1966 tại Thành phố Hà N; ĐKNKTT và cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T và bà Đỗ Thị D; có vợ và 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; theo danh chỉ bản số 078 lập ngày 28/01/2022 của Công an huyện Đan Phượng; tạm giữ ngày 04/01/2022, tạm tha ngày 07/01/2022; có mặt.

- *Bị hại*: Trung tâm viễn Thông 8 - Viễn Thông Hà N; địa chỉ: Số 100 P, thị xã S, Thành phố Hà N. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn N - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1975 - Chức vụ: Đội phó đội viễn thông Đan Phượng, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N, có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1944; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N, vắng mặt.

N DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 02/01/2022, Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T là nhân viên của Đội dịch vụ khách hàng thuộc công ty Điện lực huyện Đan Phượng được phân công đi ngắt, mở điện tại xã Đan Phượng. Sau khi ngắt điện xong, N rủ T đến xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng để cắt dây cáp viễn thông đi bán lấy tiền. T đồng ý, do N bị đau chân, T sức khoẻ yếu nên N đến quán nước của ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1972 ở thôn T, Liên Hồng, Đan Phượng thuê ông S đi hỗ trợ cắt dây (nhưng không nói là trộm cắp) và hẹn gặp ở đoạn đường phía sau UBND xã Liên Hồng. Nguyễn Văn N đi đến xã Hồng Hà lấy một xe ba gác, 02 chiếc thang tre, 01 chiếc kìm bấm của đội dịch vụ khách hàng để đi cắt dây cáp. Khi quay về đoạn đường sau UBND xã Liên Hồng thì đã có T, S ở đó. S đi mượn thêm 01 thang tre khác và 01 kìm cộng lực loại to để cắt dây cáp. S và T dùng thang trèo lên cột điện cắt 05 đầu sợi dây cáp từ cột điện ngay trước Bưu điện văn hoá xã Liên Hồng dọc theo đoạn đường sau UBND xã Liên Hồng đến đê Quai, xã Liên Hồng (trong đó có 2 sợi dây cáp vẫn đang sử dụng). Nguyễn Văn N ở dưới dùng xe ba gác kéo các đoạn dây cáp đã cắt xuống cuộn lại cho lên xe ba gác. Sợi dây cắt được N chở mang đến bán cho bà Nguyễn Thị D ở thôn Hữu Cước, Liên Hồng, Đan Phượng làm nghề buôn bán sắt vụn. Do dây nhiều nên N chở thành 2 chuyến. Chuyến thứ nhất dây nặng 180 kg bán được 9.000.000 đồng, chuyến thứ hai nặng 200kg bán được 10.000.000 đồng. N trả S 700.000 đồng tiền công, cho T 2.000.000 đồng là tiền bán dây cáp. Còn lại 16.300.000 đồng N sử dụng hết. Đến 19 giờ 15 phút cùng ngày anh Nguyễn Hữu T là đội phó Đội viễn thông Đan Phượng thuộc Trung tâm viễn thông 8 VNPT Hà N phát hiện dây cáp viễn thông bị cắt nên đến Công

an xã Liên Hồng trình báo. Ngày 3/01/2022, N, T đến cửa hàng của chị Dung nói bị cắt nhầm dây cáp để lấy lại số dây cáp đã bán. Bà Dung đã trả lại một phần cho N, một phần dây cáp còn lại đã bán với giá 6.000.000 đồng cho người mua có tên là Tuyền khoảng 30 tuổi ở tỉnh Hưng Yên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL - HĐĐSTS ngày 12/01/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Đan Phượng kết luận:

- 01 (một) sợi dây cáp viễn thông loại 200x2 bị cắt trộm, chiều dài bị cắt trộm 11 mét đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 1/2022 có giá trị: 2.519.000 đồng.

- 01 (một) sợi dây cáp viễn thông loại 200x2 bị cắt trộm, chiều dài bị cắt trộm 137,5 mét đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 1/2022 có giá trị: 31.487.500 đồng.

- 01 (một) sợi dây cáp viễn thông loại 100x2 bị cắt trộm, chiều dài bị cắt trộm 137,5 mét đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 1/2022 có giá trị: 15.675.000 đồng.

- 01 (một) sợi dây cáp viễn thông loại 50x2 bị cắt trộm, chiều dài bị cắt trộm 137,5 mét đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 1/2022 có giá trị: 8.250.000 đồng.

- 01 (một) sợi dây cáp viễn thông loại 50x2 bị cắt trộm, chiều dài bị cắt trộm 77,5 mét đã qua sử dụng, tại thời điểm định giá tháng 1/2022 có giá trị: 4.650.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 62.581.500 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

Bản cáo trạng số 41/CT- VKS - ĐP ngày 29/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như N dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T đủ yếu tố cấu thành tội phạm như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 30 tháng đến 34 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng; xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 26 tháng đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng; đề nghị xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo T 30.000.000 đồng, trả lại cho bị cáo N 6.700.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] . Vụ án xảy ra trên địa phận xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng, nên việc khởi tố, truy tố và xét xử được các cơ quan tiến hành tố tụng huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N giải quyết là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành, N dung các quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Về N dung: Lời khai của hai bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên có đủ căn cứ để khẳng định: Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 02/01/2022, sau khi thực hiện nhiệm vụ ngắt điện tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng theo sự phân công của lãnh đạo đội dịch vụ khách hàng thuộc công ty Điện lực huyện Đan Phượng. Nguyễn Văn N rủ Đỗ Văn T đến xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng cắt dây cáp viễn thông để bán lấy tiền. T đồng ý, nên N có đến quán nước của ông Nguyễn Văn S thuê ông S đi hỗ trợ cắt dây và hẹn gặp ở đoạn đường phía sau UBND xã Liên Hồng. Sau đó, Nguyễn Văn N đi đến xã Hồng Hà để lấy một xe ba gác, 02 chiếc thang tre, 01 chiếc kìm bấm của đội dịch vụ khách hàng để đi cắt dây cáp. Khi quay về đoạn đường sau UBND xã Liên Hồng thì đã có T, S ở đó. S đi mượn thêm 01 thang tre khác và 01 kìm cộng lực loại to để cắt dây cáp. S và T dùng thang treo lên cột điện cắt 05 đầu sợi dây cáp từ cột điện ngay trước Bưu điện văn hoá xã Liên Hồng dọc theo đoạn đường sau UBND xã Liên Hồng đến đê Quai, xã Liên Hồng. Nguyễn Văn N ở dưới dùng xe ba gác kéo các đoạn dây cáp đã cắt xuống cuộn lại cho lên xe ba gác. Sợi dây cắt được N chở mang đến bán cho chị Nguyễn Thị Dung được 19.000.000 đồng. Hành vi lén lút cắt 05 dây cáp viễn thông (trong đó có 2 sợi dây cáp vẫn đang sử dụng phục vụ truyền tải điện thoại cố định từ tổng đài đến khách hàng) có tổng giá trị tài sản là 62.581.500 đồng. Xác định không phải là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia (theo Quyết định số 45/2012/QĐ -TTg ngày 23/10/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về tiêu chí xác định công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia). Do vậy, hành vi của Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe và giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội.

Hội đồng xét xử phân tích hành vi, nhân thân của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn N: Hội đồng xét xử xác định bị cáo có vai trò chính trong vụ án, bị cáo là người rủ bị cáo T thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, trực tiếp lấy công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm, là người mang tài sản chiếm đoạt được đi tiêu thụ và hưởng số tiền nhiều nhất. Hành vi của bị cáo ngoài xâm phạm đến quyền sở hữu của doanh nghiệp, còn làm gián đoạn, ảnh hưởng đến thông tin, liên lạc của người dân. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần về hình phạt.

Đối với bị cáo Đỗ Văn T: Thực hiện với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo N. Sau khi được N rủ đi cắt dây cáp bị cáo đồng ý ngay, bị cáo là người trèo lên cột cắt dây cáp để bị cáo N ở dưới cuộn dây mang đi bán. Hành vi của bị cáo cũng cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có bố là thương binh có công với cách mạng, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo một phần về hình phạt.

Xét hai bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo mà cho các bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và dẫn dắt người khác.

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với ông Nguyễn Văn S là người được Nguyễn Văn N thuê cắt dây cáp, nhưng không biết hành vi trộm cắp của N; bà Nguyễn Thị Dung là người mua dây cáp của N nhưng không biết là tài sản trộm cắp nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đan Phượng không xử lý là có căn cứ.

[4]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Nguyễn Văn N và Đỗ Văn T đã bồi thường cho bị hại số tiền 62.581.500 đồng. Trung tâm viễn thông 8 - VNPT, không yêu cầu hai bị cáo phải bồi thường thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Ngày 12/4/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trung tâm viễn thông 8 VNPT Hà N 10 (mười) đoạn dây cáp loại 50x2 với tổng chiều dài 157,15m, 06 đoạn dây cáp loại 100x2 với tổng chiều dài là 81 mét, 05 đoạn dây cáp loại 200x2 với tổng chiều dài là 70 mét là có căn cứ.

- 01 xe ba gác, 02 chiếc thang tre, 01 chiếc kìm bấm của đội dịch vụ khách hàng công ty Điện lực huyện Đan Phượng bị cáo N mang đến; 01 thang tre; 01 kìm cộng lực loại to ông S đi mượn, xét thấy đây là các công cụ và phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, nhưng các chủ sở hữu không biết nên cơ quan điều tra không thu giữ là có căn cứ.

- Số tiền 30.000.000 đồng thu giữ của Đỗ Văn T; 700.000 đồng thu giữ của ông Nguyễn Văn S; 6.000.000 đồng thu giữ của bà Nguyễn Thị Dung. Hội đồng xét xử xác định 30.000.000 của Đỗ Văn T là số tiền không liên quan trong vụ án nên trả lại bị cáo T. Số tiền 700.000 đồng là tiền công của ông Nguyễn Văn S, ông S đã nộp cho cơ quan điều tra và số tiền 6.000.000 đồng; bà Dung nộp cho cơ quan điều tra. Do bị cáo N đã trả cho bà Dung và ông S, nên trả lại cho bị cáo N số tiền trên.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N **27** (hai mươi bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 54 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T **24** (hai mươi bốn) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N cho UBND xã Tân Hội, huyện Đan Phượng và bị cáo Đỗ Văn T cho UBND xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 6.700.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

(Theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 13/5/2022 giữa Công an huyện Đan Phượng với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng)

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn N và bị cáo Đỗ Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị Dung có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Công an huyện Đan Phượng;
- THADS huyện Đan Phượng;
- Các bị cáo; bị hại; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hoàng